



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 03/10/2026 (Thứ Bảy)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
2.7	23:13	02:45	↗
3.5	03:58	07:15	↘
0.6	12:05	16:00	↗
3.2	20:41	23:00	↘
3	00:08	04:00	↗

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	B.Long	MAERSK VICTORIA	10	176	18,257	P/s3 - BP6	02:00	Tăng cường dây	A1-A6
2	P.Cần	MAERSK NASSJO	9.4	172	25,514	P/s3 - CL4	02:00	//0500	A2-A3
3	Đào - N.Trường	SAWASDEE SPICA	10	172	18,072	P/s3 - CL4-5	03:00	//0500	A2-A5
4	T.Tùng	SHIMANAMI BAY	10.5	186	29,796	P/s3 - CL7	03:00	MT	A1-A6
5	N.Chiến	INCEDA	9.6	172	19,035	P/s3 - BP7	03:00	Tăng cường dây	A2-01
6	Kiên - Giang	HAIAN ROSE	9	172	17,515	H25 - TCHP	04:00		08-SH98
7	Tân - H.Thanh	SITC WENDE	7.7	172	18,724	P/s3 - CL4-5	12:30	//1430	A3-A5
8	Thịnh	WAN HAI 283	10.5	175	20,924	P/s3 - CL4	18:30	//2100	A1-A6
9	V.Dũng	EVER CENTER	9.9	172	17,943	P/s3 - CL5	18:30		A3-A5
10	N.Minh	AMALFI BAY	10.6	186	29,796	P/s3 - CL3	20:00	//2300-MT	
11	V.Hải	SINAR BANGKA	9.2	147	12,563	H25 - TCHP	22:30		
12	P.Thùy - M.Hùng	TPC-TK-05; TPC-SL-15	6	190	6,257	H25 - CanGio	06:00	ĐX	

STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	N.Dũng - Đăng	COSCO SHIPPING ALPS	13.5	366	154,300	P/s3 - CM4	04:00	MP-3NM-VTX	A9-A10-H8-V4
2	A.Tuấn - V.Tùng	BAI CHAY BRIDGE	11.5	267	44,234	CM4 - P/s3	03:30	MT-VTX	A9-A10
3	K.Toàn - M.Tùng	WAN HAI A11	13.7	335	122,045	P/s3 - CM2	22:00	MP	MR-KS-AWA
4	P.Tuấn - Chương	COSCO SHIPPING ALPS	14.8	366	154,300	CM4 - P/s3	19:00	MP-3NM-VTX	A9-A10-H8-V4
5	Quyết	IRENES RAINBOW	9.3	186	30,221	P/s3 - CM4	19:00	MP	A9-A10
6	N.Minh - Chương	ONE OLYMPUS	14	336	98,799	CM2 - P/s3	00:00	MP-VTX (Hồng CV mũi)	MR-AWA

STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Đ.Long - Diệu	INFINITY	9.5	172	17,119	BNPH - P/s3	01:30		A3-01

2	N.Tuấn	HANSA OSTERBURG	10.5	176	18,275	CL7 - P/s3	04:00		A1-A6
3	Hà	JOSCO LUCKY	8.2	172	18,885	CL4-5 - P/s3	06:00		A5-01
4	M.Tùng	KMTC PUSAN	9	169	16,717	CL4 - P/s3	05:00		A1-A6
5	Đ.Minh	MITRA BHUM	8.5	148	9,917	TCHP - H25	06:00		08-SG98
6	Nghị	IAL 001	8.5	146	11,810	BNPH - P/s3	15:30		A2-01
7	P.Hung	SAWASDEE SPICA	9.3	172	18,072	CL4-5 - P/s3	16:00		A1-A6
8	M.Cường	KMTC OSAKA	8.5	172	17,853	CL1 - P/s3	15:00		A3-A5
9	Phú - Quang	YM CELEBRITY	10.4	210	32,720	CL5 - P/s3	17:30	Cano DL	A3-A5
10	V.Hoàng - Quyên	MAERSK NASSJO	8.2	172	25,514	CL4 - P/s3	22:00		A2-A3
11	Duyệt - Uy	YM CONTINENT	10.3	210	32,720	CL3 - P/s3	22:00	Cano DL	A1-A6
STT	Hoa tiêu	Tàu dời	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Đ.Toản	INCEDA	9.6	172	19,035	BP7 - BNPH	16:00		A2-01
2	Nhật - Duy	MAERSK VICTORIA	10	176	18,257	BP6 - CL1	15:00		A1-A6
3	P.Cần - Duy	SHIMANAMI BAY	8.2	186	29,796	CL7 - CL7	21:30	Cano DL	A1-A5



SAIGON NEWPORT
PILOT
PILOTING TO SUCCESS